

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG TY TROPICAL WAVE CORPORATION VIET NAM

# HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

Hải Phòng, năm 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
Số: 01/TWC/2025

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: **Công ty TROPICAL WAVE CORPORATION VIỆT NAM**  
Địa chỉ trụ sở: Số 23, phố Nguyễn Văn Thịnh, phường Hải Dương, thành phố  
Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 02203.855.402

E-mail: laska.fm@laskatwc.com

Mã số doanh nghiệp: 0800006427

Số Giấy chứng nhận ISO 22000:2018: VN013006 cấp ngày 26/01/2025,  
nơi cấp: Bureau Veritas Certification Holding SAS – chi nhánh UK

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Nước uống đóng bình, đóng chai LASKA
2. Thành phần: Nước
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sản phẩm có thời hạn sử dụng 1 năm kể từ ngày sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong chai nhựa PET, vỏ bình nhựa PET có dán nhãn mác của Công ty. Sản phẩm có dung tích: 19lít, 500 ml, 350 ml và một số thể tích khác theo yêu cầu của khách hàng.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

**CÔNG TY TROPICAL WAVE CORPORATION VIỆT NAM** sản xuất,  
kinh doanh sản phẩm Nước uống đóng bình, đóng chai LASKA đạt yêu cầu về an  
toàn thực phẩm theo:



- QCVN 6-1:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai;

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật: áp dụng theo QCVN 6-1:2010/BYT.

2. Các chỉ tiêu hóa học: áp dụng theo QCVN 6-1:2010/BYT.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



**Daniel Lehmann**  
Tổng Giám Đốc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0800006427**

*Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 03 năm 2010*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 24 tháng 12 năm 2024*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TROPICAL WAVE CORPORATION VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TROPICAL WAVE CORPORATION VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LASKA

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 23, phố Nguyễn Văn Thịnh, Phường Ngọc Châu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Điện thoại: 0320 383 1464 / 04 3650 2104

Fax: 04 3650 2102

Email: [info@laskatwc.com](mailto:info@laskatwc.com)

Website:

<http://www.laskatwc.com>

**3. Vốn điều lệ : 34.200.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Ba mươi bốn tỷ hai trăm triệu đồng*

*Tương đương với 1.900.000 USD*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: CÔNG TY TROPICAL WAVE CORPORATION

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: QĐ - 56669

Ngày cấp: 31/01/1992 Nơi cấp: British Virgin Islands

Địa chỉ trụ sở chính: 4 Broula Court, Taylor Lakes, Victoria, Australia

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: DANIEL LEHMANN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/05/1961 Dân tộc: Quốc tịch: Thụy Sĩ

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: X9459365

Ngày cấp: 20/01/2017 Nơi cấp: EDA Bern

Địa chỉ thường trú: Schlebacherstrasse 57, NRW, Rheinbach, Đức

Địa chỉ liên lạc: Số 23, phố Nguyễn Văn Thịnh, Phường Ngọc Châu, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số chứng thực: 979 Quyền số: 01 SCT/BS



TRƯỞNG PHÒNG



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Thị Thục Anh

TRƯỞNG PHÒNG  
Vũ Huy Cường



Bureau Veritas Certification

# CÔNG TY TROPICAL WAVE CORPORATION VIỆT NAM

SỐ 23 NGUYỄN VĂN THỊNH, PHƯỜNG NGỌC CHÂU, THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG, VIỆT NAM

Bureau Veritas Certification Holding SAS - chi nhánh UK chứng nhận Hệ Thống Quản Lý của tổ chức nói trên đã được đánh giá và được công nhận phù hợp với những yêu cầu của tiêu chuẩn hệ thống quản lý sau đây

## ISO 22000:2018

Phạm vi chứng nhận

SẢN XUẤT (LỘC/CHIẾT RÓT) NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

Danh mục sản phẩm: CIV - Chế biến các sản phẩm lưu trữ ở nhiệt độ thường

|                                                                                                                |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Ngày chứng nhận ban đầu:                                                                                       | 29-01-2016 |
| Ngày hết hạn chu kỳ trước:                                                                                     | NA         |
| Ngày đánh giá chứng nhận / tái chứng nhận:                                                                     | 05-12-2024 |
| Ngày bắt đầu chu kỳ chứng nhận / tái chứng nhận:                                                               | 26-01-2025 |
| Dựa trên sự vận hành thỏa mãn liên tục của Hệ Thống Quản Lý của tổ chức, giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày: | 28-01-2028 |

Số giấy chứng nhận: VN013006    Phiên bản: 1    Ngày phát hành: 26-01-2025

J-74-7-



Địa chỉ tổ chức chứng nhận: 5<sup>th</sup> Floor, 100 Lower Thames Street, London, EC3R 6DL, United Kingdom

Văn phòng tại Việt Nam: Số 36-38 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin chi tiết hơn về phạm vi chứng nhận và việc áp dụng các yêu cầu của hệ thống quản lý có thể có được thông qua việc thảo luận với tổ chức nói trên.

Để kiểm tra thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, vui lòng liên hệ số: +84 28 3812 2246.

Certificate Template ISO 22000:2018 UKAS Cat A B C D E F G I K rev 1.6

1/1

November 06, 2024

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner



S/No: 25/TN4/1724

Trang/Page: 1/4

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## TEST RESULT

**BẢN SAO**

(Phiếu này thay cho phiếu kết quả số 25/TN4/1724 cấp ngày 22/7/2025)

Tên mẫu: Nước uống đóng bình Laska 19L

Name of sample

Khách hàng: Công ty Tropical Wave Corporation Việt Nam

Customer

Số lượng mẫu: 01 bình

Quantity

Ngày nhận mẫu: 02/7/2025

Date of receiving

Tình trạng mẫu: Mẫu trong bình nhựa

Status of sample

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 02/7/2025

Test duration

Đến ngày: 22/7/2025

To

Ngày hoàn thành

Completion date:



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 12-08-2025

Số chứng thực: 12/2025.....Quyển số: 01.....SCT/BS.

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**ĐỒNG KIM LAN**

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2025

**TRƯỞNG PHÒNG**  
**THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**  
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Ngọc Bích

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

No: 25/TN4/1724

Trang/Page: 2/4

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT<br>Items | Tên chỉ tiêu<br>Specifications         | Đơn vị<br>Units | Phương pháp thử<br>Test methods       | Mức tham<br>khảo<br>Reference<br>levels (**) | Kết quả<br>Results   |
|--------------|----------------------------------------|-----------------|---------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------|
| 1            | Hàm lượng Sb(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,02$                                  | KPH (LOD = 0,001)    |
| 2            | Hàm lượng As(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,01$                                  | KPH (LOD = 0,001)    |
| 3            | Hàm lượng Ba(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,7$                                   | KPH (LOD = 0,01)     |
| 4            | Hàm lượng B                            | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,5$                                   | KPH (LOD = 0,1) (**) |
| 5            | Hàm lượng Cd(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,003$                                 | KPH (LOD = 0,001)    |
| 6            | Hàm lượng Cu(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 2$                                     | KPH (LOD = 0,05)     |
| 7            | Hàm lượng Cr(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,05$                                  | KPH (LOD = 0,01)     |
| 8            | Hàm lượng CN <sup>-</sup>              | mg/l            | TCVN 6181:1996                        | $\leq 0,07$                                  | KPH (LOD = 0,05)     |
| 9            | Hàm lượng Pb(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,01$                                  | KPH (LOD = 0,001)    |
| 10           | Hàm lượng Mn(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,4$                                   | KPH (LOD = 0,01)     |
| 11           | Hàm lượng Hg(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,006$                                 | KPH (LOD = 0,0003)   |
| 12           | Hàm lượng Ni(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,07$                                  | KPH (LOD = 0,001)    |
| 13           | Hàm lượng NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> | mg/l            | SMEWW 4500B-<br>NO <sub>3</sub> :2023 | $\leq 50$                                    | < 0,3 (LOQ = 0,3)    |
| 14           | Hàm lượng NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> | mg/l            | TCVN 6178:1996                        | $\leq 3$                                     | KPH (LOD = 0,01)     |
| 15           | Hàm lượng Se(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,01$                                  | KPH (LOD = 0,001)    |
| 16           | Hàm lượng Mo(*)                        | mg/l            | EPA 200.8                             | $\leq 0,07$                                  | KPH (LOD = 0,012)    |
| 17           | Hàm lượng Clo dư<br>tự do              | mg/l            | TCVN 6225-3:2011                      | $\leq 5$                                     | KPH (LOD = 0,5)      |

C VÀ CQ  
JNG TÀ  
Y THU  
EU CHU  
JO LƯU  
IAT LƯU  
DO LƯU

No.

25/TN4/1724

Trang/Page

3/4

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

| STT<br>Items | Tên chỉ tiêu<br>Specifications           | Đơn vị<br>Units | Phương pháp thử<br>Test methods | Mức<br>tham<br>khảo<br>Reference<br>levels (***) | Kết quả<br>Results  |
|--------------|------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------|
| 18           | Hàm lượng clorat                         | mg/l            | US EPA Method<br>300.0          | $\leq 0,7$                                       | KPH (LOD = 0,1)(**) |
| 19           | Hàm lượng clorit                         | mg/l            | "                               | $\leq 0,7$                                       | KPH (LOD = 0,1)     |
| 20           | Hàm lượng Bromat                         | mg/l            | "                               | $\leq 0,01$                                      | KPH (LOD = 0,003)   |
| 21           | Hàm lượng F <sup>-</sup>                 | mg/l            | TCVN 6494-<br>1:2011            | $\leq 1,5$                                       | KPH (LOD = 0,3)     |
| 22           | Coliforms(*)                             | CFU/250ml       | ISO 9308-1:<br>2014/Amd 1: 2016 | 0                                                | 0                   |
| 23           | E.coli(*)                                | CFU/250ml       | ISO 9308-1:<br>2014/Amd 1: 2016 | 0                                                | 0                   |
| 24           | Feacal streptococci(*)                   | CFU/250ml       | ISO 7899-2:2000                 | 0                                                | 0                   |
| 25           | Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử<br>sulfit (*) | CFU/50ml        | ISO 6461-2:1986                 | 0                                                | 0                   |
| 26           | P.aeruginosa(*)                          | CFU/250ml       | ISO 16266: 2006                 | 0                                                | 0                   |
| 27           | Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$           | Bq/L            | TCVN 8879:2011                  | 0,5                                              | KPH (LOD = 0,025)   |
| 28           | Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$            | Bq/L            | TCVN 8879:2011                  | 1,0                                              | KPH LOD = 0,05)     |

Ghi chú: giới hạn định lượng của phương pháp CFU (< 1,0) được coi là "không có" và biểu thị kết quả "0"

(\*) : Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS

(\*\*) : KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện; LOQ: giới hạn định lượng; KQĐ: không qui định

(\*\*\*) : Mức tham khảo: QCVN 06-1:2010/BYT: Quy chuẩn Quốc Gia về chất lượng nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai

**25/TN4/1724**

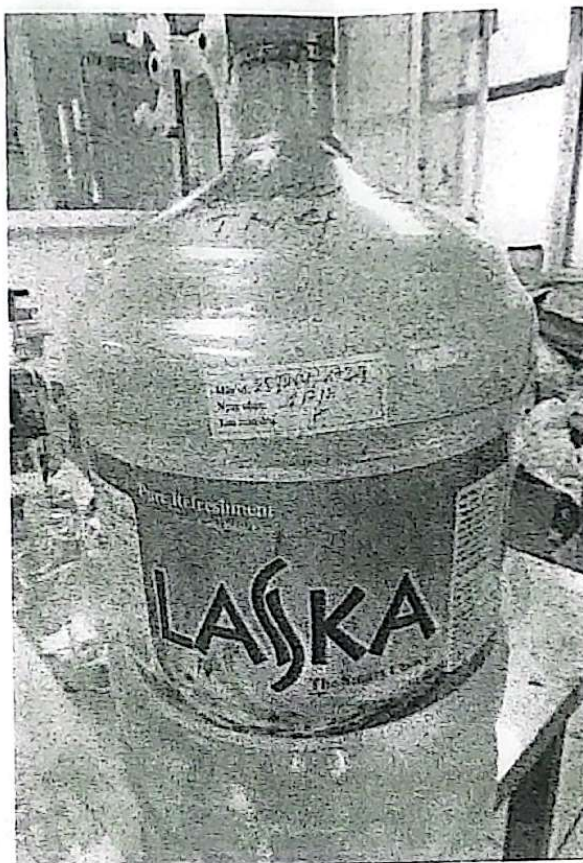
**4/4**

Trang/Page: .....

S/No: .....

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT



AD  
C  
TH  
THÀNH

**MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN**  
**Nước uống đóng bình, đóng chai LASKA**

- **Tên sản phẩm:** Nước uống đóng bình, đóng chai LASKA

- **Tên cơ sở và địa chỉ sản xuất:**

**Tên cơ sở:** CÔNG TY TROPICAL WAVE CORPORATION VIỆT NAM

**Địa chỉ trụ sở:** Số 23, phố Nguyễn Văn Thịnh, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- **Điện thoại:** 02203.855.402

- **Thành phần cấu tạo:** Nước

- **Hướng dẫn sử dụng, bảo quản:**

Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, sạch sẽ, tránh ánh sáng trực tiếp, mùi mạnh hoặc hóa chất.

Sản phẩm dùng để sử dụng trực tiếp.

- **Ngày sản xuất:**...../...../.....

- **Hạn sử dụng:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất

- **Thể tích thực:**

- **Thông tin, cảnh báo (Nếu có):**

*Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2025*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



**Daniel Lehmann**  
**Tổng Giám Đốc**